

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân A - Phó Chủ tịch; vắng mặt.

3. Ông Đinh Quang Th - Chủ tịch UBMTTQ xã Thanh T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa người khởi kiện ông Trần Văn T trình bày:*

Khi Nhà nước có chủ trương về làm chế độ chính sách đối người người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học, năm 2007 ông làm hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp người nhiễm chất độc hóa học gửi đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thanh T1. Khi hồ sơ của ông cùng mọi người trong xã Thanh T1 được chuyển lên Phòng Lao động Thương binh và Xã hội (LĐTB&XH) huyện Thanh L thì có chủ trương của Bộ Y tế về việc tạm dừng làm chế độ chính sách đối với người đề nghị hưởng trợ cấp nhiễm chất độc hóa học với lý do phải có phiếu khám chuyên khoa của Bệnh viện tỉnh thì mới được làm hồ sơ để hưởng chế độ chính sách. Tháng 02/2009 ông có đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam để khám chuyên khoa và có kết quả xác định ông bị vô sinh và thực tế ông không có con. Sau khi có kết quả ông mang phiếu khám chuyên khoa nộp cho anh B là cán bộ làm công tác thương binh xã hội huyện Thanh L, nhưng anh B không nhận, ông mang đến nộp cho anh Đoàn là cán bộ làm công tác thương binh xã hội xã Thanh T1. Đến năm 2013 xã Thanh T1 thông báo làm chế độ nên ông tiếp tục làm hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp. UBND xã Thanh T1 hoàn thiện hồ sơ gửi nhưng Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L không nhận nên xã đã giữ lại. Đến năm 2014 Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L mới báo cho xã Thanh T1 chuyển hồ sơ của ông lên để Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L chuyển hồ sơ của ông lên Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam làm chế độ cho ông. Đến tháng 10/2014, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam mới ban hành Quyết định số 2595/QĐ-LĐTBXH ngày 22/10/2014 về việc cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với ông Trần Văn T được hưởng trợ cấp kể từ ngày 01/11/2014. Ông hoàn toàn nhất trí với Quyết định số 2595 và mức trợ cấp. Tuy nhiên, sau khi nhận quyết định ông làm đơn khiếu nại gửi đến Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam với nội dung buộc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam phải trả tiền trợ cấp cho ông từ tháng 02/2009, khi ông đã nộp phiếu khám chuyên khoa của bệnh viện cho UBND xã Thanh T1.

Đến ngày 30/9/2015, Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam có Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC trả lời ông với nội dung đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của ông từ tháng 02/2009 không được chấp nhận. Kể từ đó ông liên tục gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị giải quyết cho ông được hưởng chế độ chính sách từ năm 2009. Tháng 6/2018, ông nhận được Văn bản số 776/LĐTBXH-NCC ngày 19/6/2018 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam về việc giải quyết đơn của ông. Không đồng ý với nội dung của văn bản trả lời của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp

pháp của ông nên ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết: Hủy bỏ Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC ngày 30/9/2015 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam. Đề nghị Tòa án buộc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam trả tiền trợ cấp cho ông thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 10/2014 là 68 tháng với số tiền là 105.600.000 đồng.

* *Người bị kiện trình bày quan điểm:* Ông Trần Văn T, trú tại thôn Tân Hưng, xã Thanh T1, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam nhập ngũ ngày 21/7/1966, tháng 10/1967 tham gia chiến đấu ở chiến trường Miền Nam đơn vị C2D359P304. Ngày 09/12/2013 ông Trần Văn T có bản khai đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học với lý do không có con, bị vô sinh (có xác nhận của UBND xã Thanh T1 và phiếu khám chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam) kèm theo sơ lược lý lịch khai ngày 07/6/1974.

Ngày 11/8/2014 Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam tiếp nhận danh sách đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học do Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L chuyển đến, trong đó có trường hợp ông Trần Văn T.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, ngày 21/8/2014 Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam có danh sách trả lại hồ sơ cho Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L và yêu cầu bổ sung, xác nhận của UBND xã Thanh T1 về tình trạng vô sinh của ông Trần Văn T vào bản khai. Sau khi UBND xã Thanh T1 xác nhận tình trạng vô sinh của ông T vào bản khai ngày 09/12/2013, Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L đã nộp lại hồ sơ của ông Trần Văn T về Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam để giải quyết chế độ theo quy định.

Ngày 09/9/2014 Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam có Văn bản số 901/LĐTBXH-NCC và chuyển hồ sơ đề nghị Sở Y tế cấp giấy chứng nhận bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học đối với ông Trần Văn T, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Thông T số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐTB&XH. Nhưng theo Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 Bộ LĐTB&XH hướng dẫn về xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có hiệu lực ngày 15/9/2014 thì trường hợp vô sinh nếu hồ sơ hợp lệ thì Sở LĐTB&XH ra quyết định trợ cấp nên Sở Y tế không cấp giấy chứng nhận bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học đối với ông T.

Ngày 22/10/2014 Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 2595/QĐ-LĐTBXH về việc cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với ông Trần Văn T theo đó ông Trần Văn T được hưởng trợ cấp kể từ ngày 01/11/2014 với mức 1.549.000đ/tháng, ông T không có ý kiến gì về việc trợ cấp. Đến tháng 9/2015 ông T có đơn đề nghị được hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ tháng 02/2009 đến tháng 10/2014. Ngày 30/9/2015 Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam có Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC trả lời nội dung ông Trần Văn T đề nghị nêu trong đơn là không có cơ sở.

Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, rà soát lại hồ sơ, đối chiếu quy định pháp luật thì Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đã phát hiện trong quá trình tiếp nhận hồ sơ của ông Trần Văn T có sự chậm trễ về thời gian giải quyết chế độ của các đơn vị có liên quan, Sở đã tổ chức họp đối với các đơn vị có liên quan để xác định trách nhiệm. Căn cứ vào thời gian tiếp nhận hồ sơ của ông T từ cấp xã là ngày 09/12/2013. Nên chỉ xác định được được thời gian chậm từ tháng 01/2014 đến tháng 10/2014 (10 tháng) với số tiền là 19.240.000 đồng. Các cá nhân tiếp nhận, giải quyết chế độ chậm trễ phải có trách nhiệm chi trả số tiền trên cho ông T. Từ đó, Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đã ban hành Văn bản số 83 5/LĐTBXH-TTr ngày 07/8/2019 thay thế cho Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC ngày 30/9/2015 và Công văn số 776/LĐTBXH-NCC ngày 19/6/2018 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam về việc giải quyết đơn của ông Trần Văn T. Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đã gửi cho ông T và xuất trình cho Tòa án, Viện kiểm sát để giải quyết theo quy định. Những sai sót đã được khắc phục nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm:*

- *Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L trình bày:* Tháng 7/2014 Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L có nhận được hồ sơ của ông Trần Văn T đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học do UBND xã Thanh T1 chuyển đến. Đến ngày 08/8/2014 Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L chuyển hồ sơ ông T đến Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam để xem xét, giải quyết. Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L chỉ tiếp nhận hồ sơ đề nghị của các đối tượng do UBND xã Thanh T1 chuyển đến theo quy định chứ không nhận trực tiếp của các đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L nhất trí quan điểm của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *UBND xã Thanh T1 trình bày:* Thực hiện chế độ chính sách Nhà nước về việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Từ năm 2000 UBND xã Thanh T1 đã triển khai cho các đối tượng trong xã kê khai, cung cấp hồ sơ xét chế độ theo quy định của pháp luật. Trong thời gian từ năm 2007 đến tháng 12/2013 ông Trần Văn T có nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chất độc da cam về xã Thanh T1 hay không thì chúng tôi không rõ, vì lý do ông Nguyễn Văn Đoàn làm công tác cán bộ lao động thương binh xã Thanh T1 từ tháng 7/2004 đến tháng 5/2012 bị bệnh ung thư vòm họng phải điều trị ở viện dài ngày và chết ngày 29/8/2014. Thời gian ông Đoàn đi điều trị bệnh xã Thanh T1 giao cho ông Đinh Quang Th kiêm nhiệm công việc của ông Đoàn. Khi giao nhận công tác cũng như hồ sơ hưởng chế độ thì không có hồ sơ của ông Trần Văn T. Từ khi ông Th kiêm nhiệm, ông Trần Văn T có đến UBND xã Thanh T1 gặp ông Th đề nghị về việc hưởng chế độ chất độc hóa học thì ông Th đã hướng dẫn ông T về quy trình và thủ tục hồ sơ theo quy định. Đến ngày 09/12/2013 ông Trần Văn T mang hồ sơ đến UBND xã Thanh T1 nộp cho

ông Th. Sau đó Hội đồng chính sách xã Thanh T1 đã tổ chức họp, xét duyệt hồ sơ của ông T. Ngày 24/12/2013 ông T đến UBND xã Thanh T1 gặp ông Th xin lại hồ sơ để ông trực tiếp mang đi nộp cho cấp trên, nhưng không nộp được nên ông nộp lại cho xã. Ngày 30/12/2013 ông T đến gặp ông Th xin rút hồ sơ để tự mang đi nộp nhưng không nộp được, ngày 09/01/2014 ông lại mang về nộp cho xã. Ngày 17/3/2014 ông T đến UBND xã Thanh T1 gặp ông Th xin rút hồ sơ để nộp cho cấp trên nhưng không nộp được, ông lại nộp lại xã. Đến tháng 7/2014 ông Th đem hồ sơ của ông Trần Văn T nộp lên Phòng LĐTB&XH huyện Thanh L để làm chế độ cho ông T. Việc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam ban hành Công văn số 835 thay thế Công văn số 1138 là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho ông Trần Văn T, do đó đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 15/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 57; khoản 1 Điều 115; Điều 116; Điều 164, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 20, Điều 27, Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013; Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013; Thông tư số 16/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014; Nghị định số 101/2013/NĐ-CP ngày 04/9/2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền trợ cấp thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 10/2014 là 68 tháng với số tiền là 105.600.000 đồng.

Chấp nhận Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đền bù cho ông Trần Văn T tiền trợ cấp từ tháng 01/2014 đến tháng 10/2014 là 19.240.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Văn bản 835/LĐTBXH-TTr ngày 07/8/2019 (các bên đã thực hiện xong việc giao nhận tiền theo biên bản giao nhận ngày 12/8/2019).

2. Bác các yêu cầu khác của ông Trần Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2019, người khởi kiện là ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Trần Văn T giữ yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, buộc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam trả tiền trợ cấp cho ông thời gian từ tháng 02/2009 đến tháng 10/2014 số tiền 105.600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của ông T, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên tại phiên tòa lần trước người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, mặt khác người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính đưa vụ án ra xét xử.

Sau khi nhận quyết định được hưởng chế độ của người bị nhiễm chất độc hóa học từ tháng 11/2014, ông Trần Văn T làm đơn gửi Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đề nghị được hưởng chế độ từ năm 2009. Đến ngày 30/9/2015, ông nhận được Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC trả lời không chấp nhận đề nghị của ông. Ông Trần Văn T không nhất trí với việc trả lời đơn của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam, ông liên tục có đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Sau đó, ông nhận được Công văn số 776/LĐTBXH-NCC ngày 19/6/2018 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông. Không nhất trí các Văn bản trả lời của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam nên ông khởi kiện đề nghị hủy Văn bản số 138/LĐTBXH-NCC và buộc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam phải bồi thường cho ông số tiền 105.600.000 đồng. Yêu cầu của ông T là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 3, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC ngày 30/9/2015 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam; buộc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam trả tiền cho ông thời gian từ năm 2009 đến tháng 10/2014 là 68 tháng với số tiền là 105.600.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi ông T nhận Quyết định số 2595/QĐ-LĐTBXH ngày 22/10/2014 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam về việc cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp phụ cấp hàng tháng, ông làm đơn đề nghị được hưởng chế độ từ năm 2009 gửi các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 08/9/2015, Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam nhận được phiếu chuyển đơn của ông T do Văn phòng UBND tỉnh Hà Nam chuyển đến. Ngày 30/9/2015, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam có Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC về việc trả lời không chấp nhận đề nghị của ông. Như vậy về thời hạn và thẩm quyền giải quyết đơn của ông là đúng quy định tại Điều 20, 27, 28 Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ bản khai cá nhân của ông T có xác nhận của UBND xã Thanh T1 ngày 09/12/2013 và toàn bộ hồ sơ của ông T nộp tại UBND Thanh T1 xã gồm: bản khai cá nhân, phiếu khám chuyên khoa ngày 16/02/2009; sơ yếu lý lịch (bản sao), có đủ cơ sở xác nhận UBND xã Thanh T1 đã nhận hồ sơ của ông vào ngày 09/12/2013 nhưng đến ngày 22/10/2014 Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam mới ban hành Quyết định số 2595 cho ông T hưởng chế độ từ tháng 11/2014 là chưa đúng quy định tại các Điều 27, 29, 31 của Thông tư số 05/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. Việc ra quyết định của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đã làm chậm thời gian được hưởng chế độ, xâm hại đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T. Nay ông khởi kiện đề nghị bồi thường số tiền 105.600.000 đồng do Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam làm không đúng thời gian cho ông vì ông phải được hưởng chế độ từ năm 2009 chứ không phải là tháng 11/2014. Ông xuất trình tài liệu phô tô có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Đoàn là cán bộ làm công tác thương binh xã hội của xã Thanh T1 giai đoạn từ tháng 7/2004 đến tháng 5/2012 với nội dung *“tôi Nguyễn Văn Đoàn cán bộ Lao động thương binh xã hội xã Thanh T1 đã nhận phiếu khám chuyên khoa của ông Trần Văn T ngày 16/02/1009, đã tiến hành làm hồ sơ da cam và khi xã duyệt hồ sơ mang về huyện nộp 2010, huyện trả lời chờ đợt (bản chính ông T cầm)”*. Nội dung này được xác nhận vào ngày 08/9/2013 khi ông Đoàn đã nghỉ ốm và bàn giao công việc cho ông Th. Năm 2014 ông Đoàn đã chết và khi bàn giao công việc và tài liệu cho ông Th nhưng không có hồ sơ của ông T nên cũng không có cơ sở để xem xét giải quyết chế độ cho ông được. Mặt khác ông T cũng xác nhận khi nộp cho các cơ quan có thẩm quyền làm chế độ ông cũng không có hồ sơ mà chỉ có bản sao phiếu khám chuyên khoa. Đến năm 2013, khi ông Th gọi lên làm thủ tục thì mới có đơn đề nghị và có xác nhận của UBND xã Thanh T1 vào ngày 09/12/2013 cùng các tài liệu khác. Như vậy, không có đủ căn cứ xác định thời điểm nhận hồ sơ đề nghị hưởng chế độ cho ông từ tháng 2/2009 như đề nghị của ông T như bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam sau khi thực hiện việc rà soát lại hồ sơ, chế độ của ông T đã phát hiện sai sót trong việc tiếp nhận, giải quyết chế độ làm chậm thời gian được hưởng của ông nên ngày 07/8/2019, Sở LĐTB&XH tỉnh

Hà Nam đã ban hành Văn bản số 835/LĐTBXH-TTr với nội xác định thời gian chậm trễ trong việc xét hưởng chế độ cho ông trong thời gian là 10 tháng x 1.924.000đ/1tháng = 19.240.000đồng. Văn bản này thay thế cho Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC ngày 30/9/2015 và Công văn số 776/LĐTBXH-NCC ngày 19/6/2018 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam về việc giải quyết đơn của ông Trần Văn T. Đến nay Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đã giao khoản tiền này cho ông T. Như vậy việc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam xác nhận có thiếu sót và ban hành văn bản thay thế là phù hợp với quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ LĐTB&XH; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; Thông tư số 16/TT- BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ LĐTB&XH; Nghị định số 101/2013/NĐ-CP ngày 04/9/2013 của Chính phủ và Điều 57 Luật tổ tụng hành chính. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận Văn bản số 835/LĐTBXH-TTr ngày 07/8/2019 thay thế cho Văn bản số 1138/LĐTBXH-NCC ngày 30/9/2015 và Công văn 776/LĐTBXH-NCC ngày 19/6/2018 của Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam. Việc Sở LĐTB&XH tỉnh Hà Nam đã trả khoản tiền 19.240.000 đồng là đảm bảo quyền lợi cho ông Trần Văn T.

Từ những nội dung trên thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2019/HC-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Văn T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học